

Số: 49 72 /BCT - TTTN
V/v điều hành kinh doanh xăng dầu

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2015

Kính gửi: Các thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 83/2014/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Công Thương - Tài chính Quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Thông tư số 39/2014/TTLT-BCT-BTC);

Căn cứ Quyết định số 53/2012/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống;

Căn cứ Thông báo số 19/TB-VPCP ngày 26 tháng 01 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp về cơ chế giá đối với xăng E5;

Căn cứ Thông tư số 78/2015/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 27.10 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi (xăng giữ nguyên mức 20%, dầu điêzen từ mức 12% giảm xuống mức 10%, dầu hỏa từ mức 20% giảm xuống mức 13%, dầu madút từ mức 13% giảm xuống mức 10%), có hiệu lực từ ngày 21 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ thực tế diễn biến giá xăng, dầu thành phẩm thế giới kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2015 đến hết ngày 19 tháng 5 năm 2015 (sau đây gọi tắt là kỳ công bố) và căn cứ nguyên tắc tính giá cơ sở theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC;

Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường, như sau:

Mặt hàng	Giá cơ sở kỳ trước liền kề, điều hành ngày 05/5/2015 ¹ (đồng/lít,kg)	Giá cơ sở kỳ công bố ² (đồng/lít,kg)	Chênh lệch giữa giá cơ sở kỳ công bố với giá cơ sở kỳ trước liền kề (đồng/lít,kg)	Chênh lệch giữa giá cơ sở kỳ công bố với giá cơ sở kỳ trước liền kề (%)
	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=[(3):(1)]x100
1. Xăng RON 92	20.673	21.490	+817	+4,0
2. Xăng E5	20.178	20.995	+817	+4,0
3. Dầu điêzen 0.05S	16.205	16.711	+506	+3,1
4. Dầu hỏa	15.815	15.751	-64	-0,4
5. Dầu Madút 180CST 3.5S	12.956	13.477	+521	+4,0

^{1,2} Tính trên cơ sở mức trích lập Quỹ Bình ổn giá theo quy định là 300 đồng/lít xăng khoáng, 0 đồng/lít xăng E5, 300 đồng/lít điêzen, 300 đồng/lít dầu hỏa, 300 đồng/kg dầu madút.

Trước những diễn biến giá xăng dầu thế giới trong thời gian gần đây và thực hiện điều hành giá xăng dầu theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, nhằm hỗ trợ giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh, hỗ trợ đời sống sinh hoạt của người dân, Liên Bộ Công Thương - Tài chính quyết định:

1. Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

- Giữ nguyên mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu như hiện hành.
- Điều chỉnh mức chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với các loại xăng dầu như sau:

+ Xăng khoáng các loại: giảm 383 đồng/lít, từ mức 1.437 đồng/lít giảm xuống mức 1.054 đồng/lít;

+ Xăng E5: giảm 383 đồng/lít, từ mức 1.272 đồng/lít giảm xuống mức 889 đồng/lít;

+ Dầu diesel các loại: tăng 06 đồng/lít, từ mức 322 đồng/lít tăng lên mức 328 đồng/lít;

+ Dầu mazut các loại: tăng 21 đồng/kg, từ mức 303 đồng/kg tăng lên mức 324 đồng/kg.

2. Giá bán xăng dầu

Sau khi thực hiện việc trích lập, sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại Mục 1 nêu trên, giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường không cao hơn mức giá:

- Xăng RON 92: không cao hơn mức giá 20.436 đồng/lít;

- Xăng E5: không cao hơn mức giá 20.106 đồng/lít;

- Dầu diesel 0.05S: không cao hơn mức giá 16.383 đồng/lít;

- Dầu hỏa: không cao hơn mức giá 15.751 đồng/lít;

- Dầu mazut 180CST 3.5S: không cao hơn mức giá 13.153 đồng/kg.

3. Thời gian thực hiện

- Trích lập, sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với các mặt hàng xăng dầu: Áp dụng từ 20 giờ 00 ngày 20 tháng 5 năm 2015 đối với mặt hàng xăng; Áp dụng từ 24h00 ngày 20 tháng 5 năm 2015 (tức 0h00 ngày 21 tháng 5 năm 2015) đối với các mặt hàng dầu diesel, dầu hỏa và dầu mazut.

- Điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng dầu: Do thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu quy định nhưng không sớm hơn 20 giờ 00 ngày 20 tháng 5 năm 2015 đối với mặt hàng xăng; không sớm hơn 24h00 ngày 20 tháng 5 năm 2015 (tức 0h00 ngày 21 tháng 5 năm 2015) đối với các mặt hàng dầu diesel, dầu mazut; không muộn hơn 24h00 ngày 20 tháng 5 năm 2015 (tức 0h00 ngày 21 tháng 5 năm 2015) đối với mặt hàng dầu hỏa.

- Kể từ 20 giờ 00 ngày 20 tháng 5 năm 2015 đối với mặt hàng xăng, 24h00 ngày 20 tháng 5 năm 2015 (tức 0h00 ngày 21 tháng 5 năm 2015) đối với các mặt hàng dầu, là ngày Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở kỳ công bố

tại Công văn này cho đến trước ngày Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở kỳ kế tiếp, việc điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng dầu do thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu quyết định phù hợp với các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư Liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC.

Bộ Công Thương thông báo để các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu biết, thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện về Liên Bộ Công Thương - Tài chính để giám sát theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương (b/c);
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Quản lý Giá, Thanh tra Bộ (BTC);
- Cục Quản lý thị trường (BCT);
- Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam (để biết);
- Lưu: VT, TTTN.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Lộc An
* Nguyễn Lộc An

Giá xăng dầu thế giới 15 ngày
(05/5/2015 - 19/5/2015)

TT	Ngày	X92	Dầu hoả	Do0,05	FO 3,5S	B/hồ	WTI	LNH	VCB bán
1	5/5/15	80.480	77.800	77.760	389.210	70.150	60.400	21,458	21,670
2	6/5/15	81.680	80.200	80.300	404.920	72.020	60.930	21,458	21,670
3	7/5/15	79.980	80.360	80.310	401.610	71.750	58.940	21,673	21,720
4	8/5/15	78.480	78.300	78.030	394.520	69.420	59.390	21,673	21,710
5	9/5/15								
6	10/5/15								
7	11/5/15	80.610	78.020	78.240	395.220	69.730	59.250	21,673	21,725
8	12/5/15	80.250	77.840	78.630	393.970	69.390	60.750	21,673	21,735
9	13/5/15	82.470	79.930	80.700	401.330	71.280	60.500	21,673	21,765
10	14/5/15	81.470	79.050	79.560	393.840	70.390	59.880	21,673	21,810
11	15/5/15	82.680	79.130	79.580	393.330	69.950	59.690	21,673	21,780
12	16/5/15								
13	17/5/15								
14	18/5/15	83.970	79.410	79.820	394.620	70.480	59.430	21,673	21,820
15	19/5/15	82.700	77.130	77.550	377.530	68.930	57.260	21,673	21,830
	Bquân	81.343	78.834	79.135	394.555	70.317	59.675	21,634	21,749